

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ - PT

Ngày 08 - 8 - 2018

V/v “Thay đổi người trực tiếp nuôi con
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Ông Hoàng Hữu Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị nguyên đơn chị Nguyễn Bùi Hải L kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2018/QĐ - PT ngày 15/6/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 05/TB-PT ngày 19/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bùi Hải L - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 6B1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân T - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Số nhà 008, phố C, tổ 35, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Q

Địa chỉ: Số nhà 605, khu chung cư V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Cao C

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Bùi Hải L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Bùi Hải L trình bày:

Chị Nguyễn Bùi Hải L và anh Lê Xuân T đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trong thời gian chung sống chị và anh T có một người con chung là cháu Lê Xuân H, sinh ngày 01/4/2010. Do có nhiều mâu thuẫn nên anh T và chị L đã ly hôn vào tháng 9/2013. Khi anh chị ly hôn, chị được giao là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Xuân H. Sau đó do điều kiện mẹ đẻ chị bị ốm nặng và phải nằm liệt giường nên chị phải tập trung chăm sóc cho mẹ, thời gian này anh T đã có đơn xin thay đổi người nuôi con và được Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết cho anh T là người trực tiếp nuôi cháu H. Đến nay chị thấy tình hình học tập của cháu H có nhận thức kém hơn so với mặt bằng chung, cháu H ở cùng với bố nhưng anh Lê Xuân T đi thuê nhà ở không đảm bảo về nơi ăn ở và sinh hoạt cho cháu, anh T có thu nhập không ổn định, lương thấp, vay nợ nhiều. Bản thân chị L làm nghề giáo viên nên có điều kiện nuôi dạy con trong môi trường học tập tốt, chị có nhà ở, điều kiện thu nhập ổn định, có điều kiện tốt nhất cho con cái phát triển bình thường. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Xuân H đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh Lê Xuân T phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bị đơn anh Lê Xuân T trình bày:

Anh T nhất trí với trình bày của chị Nguyễn Bùi Hải L về quan hệ hôn nhân và việc Tòa án giải quyết con chung khi anh, chị ly hôn. Đối với yêu cầu của chị L đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Xuân H, anh T không đồng ý. Khi cháu H ở với anh thì bản thân anh T và gia đình kể cả vợ anh hiện nay vẫn luôn quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ và đảm bảo về mọi mặt cho cháu H. Chị L cho rằng cháu H học tập sa sút, anh ở nhà thuê không đảm bảo sinh hoạt cho cháu H là hoàn toàn không có cơ sở. Anh T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bùi Hải L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Xuân H.

Bản án sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 06/4/2018 của TAND thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Bùi Hải L. Bác yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị Nguyễn Bùi Hải L.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 18/4/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Bùi Hải L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và chấp nhận yêu cầu của chị L tại đơn khởi kiện về việc thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Bùi Hải L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Bùi Hải L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Bùi Hải L nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét điều kiện vật chất để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của chị Nguyễn Bùi Hải L và anh Lê Xuân T:

Chị Nguyễn Bùi Hải L hiện tại đang là giáo viên Trường tiểu học và trung học cơ sở Long Khánh, huyện B với mức lương hàng tháng 10.226.000 đồng (*Mười triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng*). Chị L làm việc và sinh sống ổn định tại huyện B, chị được bố mẹ tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất tại khu 6B1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Anh Lê Xuân T hiện tại là viên chức nhà nước, công tác tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao thành phố L với thu nhập bình quân từ lương và các khoản phụ cấp là 5.000.000 đồng/tháng (*Năm triệu đồng trên tháng*). Ngoài ra, anh T có kinh doanh thêm, cụ thể là mở nhà hàng ăn uống tại số nhà 008, phố C, đường D3, tổ 35, phường L, thành phố L. Anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê

Xuân H từ sau khi anh và chị L ly hôn cho đến nay. Anh cùng cháu H và gia đình hiện sinh sống tại số nhà 008, phố C, đường D3, tổ 35, phường L, thành phố L. Quá trình giải quyết vụ án anh T đã cung cấp được xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố về tình trạng cư trú của gia đình anh T tại tổ 35, phường L. Xét thấy nơi cư trú hiện nay của anh T là nhà do anh T thuê lại để mở nhà hàng ăn uống phục vụ mục đích kinh doanh, tuy nhiên không có nghĩa do anh T thuê nhà nên không đảm bảo về điều kiện nhà ở, sinh hoạt cho cháu H được. Chị L cho rằng anh T đang thuê nhà nên không đảm bảo điều kiện sinh hoạt tốt cho cháu H nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Trong khi đó xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố 35, phường L cho thấy anh T và gia đình đang có điều kiện sinh sống và kinh doanh ổn định. Ngoài ra cháu Lê Xuân H hiện đang học tập tại Trường tiểu học K, thành phố L nên không thể phủ nhận việc anh T cư trú tại tổ 35, phường L là điều kiện thuận lợi trong việc cháu H đi lại để học tập.

Từ những phân tích trên thấy rằng mặc dù anh Lê Xuân T có mức thu nhập hàng tháng từ lương, phụ cấp thấp hơn chị Nguyễn Bùi Hải L nhưng anh T có thêm nguồn thu nhập từ việc kinh doanh. Vì vậy, xét về điều kiện vật chất để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Xuân H thì cả chị L và anh T đều có đủ điều kiện để có thể nuôi dưỡng cháu H trưởng thành.

[3] Xét điều kiện sống, học tập của cháu H từ khi được anh Lê Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng đến nay:

Cháu Lê Xuân H sinh ngày 01/4/2010 là con chung của anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Bùi Hải L. Tháng 9/2013 anh T và chị L ly hôn, cháu H được giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Đến tháng 4/2014 do chị L không có đủ điều kiện, thời gian để có thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu H nên anh T đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Tại Quyết định số 33/2014/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2014 của TAND thành phố L đã công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị L, cụ thể anh Lê Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Xuân H. Từ tháng 4/2014 đến nay cháu H do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chị L cho rằng tình hình học tập của cháu H có nhận thức học tập kém hơn so với mặt bằng chung. Tuy nhiên theo xác nhận của giáo viên chủ nhiệm lớp của cháu H tại Trường tiểu học K thì cháu H nhận thức tốt, chủ động trong các hoạt động học tập cũng như hoạt động ngoại khóa. Cháu H luôn vui vẻ, đoàn kết bạn bè, tâm lý ổn định. Kết quả học tập tốt. Như vậy việc chị L cho rằng cháu H có nhận thức kém là không có căn cứ. Ngoài ra giáo viên chủ nhiệm lớp của cháu H cũng xác nhận về việc cháu H được gia đình chăm lo về mọi mặt, anh T hàng ngày đưa đón cháu H đi học, tham gia các buổi họp phụ huynh và thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm về tình hình học tập của cháu H.

[4] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Bùi Hải L:

Chị L kháng cáo cho rằng Hội đồng xét xử TAND thành phố L chưa xem xét điều kiện môi trường của chị L thuận lợi cho con trong quá trình nuôi dạy con ăn học vì chị L làm nghề sư phạm, sống độc thân, có thu nhập ổn định, có

thời gian quan tâm chăm sóc cho con. Như đã phân tích ở trên thì cả chị L và anh T đều có đủ các điều kiện tốt để nuôi dưỡng con. Tuy nhiên Tòa án xem xét việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải căn cứ vào việc thay đổi có phù hợp với lợi ích, nguyện vọng của con hay không, người đang trực tiếp nuôi con có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nữa không theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L cho rằng bản thân chị làm nghề sư phạm nên có điều kiện để nuôi dạy con ăn học tốt hơn, nhưng không thể khẳng định nghề nghiệp của anh T thì không đảm bảo điều kiện để nuôi dạy con. Anh T mặc dù đã lập gia đình riêng nhưng anh T vẫn quan tâm, chăm sóc cháu H chu đáo. Bản thân cháu H cũng xác nhận được bố và mẹ Trâm (vợ hiện tại của anh T) thương yêu, chăm sóc, dạy dỗ tốt. Như vậy đến nay anh T vẫn có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tại cấp sơ thẩm Tòa án đã yêu cầu chị L cung cấp chứng cứ chứng minh việc anh T không có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng chị L không cung cấp được. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, ngày 08/6/2018 chị L có đơn trình bày ý kiến và bổ sung tài liệu, chứng cứ. Cụ thể, chị L cho rằng anh T nợ nần nhiều và không có khả năng trả nợ, bằng chứng là bản ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị L và các nhân chứng mà anh T nợ tiền là anh Nguyễn Cao C, trú tại: Thôn 9, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai và anh Nguyễn Văn Q, trú tại: Số nhà 605, khu chung cư L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên tại phiên tòa người làm chứng là anh Nguyễn Cao C khẳng định không có việc vay nợ giữa anh T và anh C mà là một quan hệ dân sự khác, vì vậy không có cơ sở khẳng định anh T nợ nần nhiều và không có khả năng trả nợ theo như lời khai của chị L.

Ngoài ra chị L cung cấp các bản ảnh chụp facebook cá nhân của chị T (mẹ kế cháu H) và cho rằng chị T có những lời lẽ lăng mạ, xúc phạm, vu khống, bịa đặt về chị L làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chị L và tâm sinh lý con trẻ. Theo ảnh chụp thì những lời nói của chị T không thể hiện đang nói đến ai, về việc gì cụ thể. Chị L còn cung cấp 02 ảnh chụp các vết thương của cháu Lê Xuân H và cho rằng đây là hậu quả do cháu H bị mẹ kế (chị T) có hành vi ngược đãi, đánh cháu bằng chổi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2018 cháu H cũng khẳng định vết thương trong ảnh đúng là vết thương trên người cháu H do bị mẹ T (vợ hiện nay của anh T) đánh bằng chổi vào khoảng thời gian cách đây hơn 1 năm, khi bị đánh thì anh T cũng có mặt và do cháu hư nên mới bị đánh. Xét thấy không có đủ căn cứ chứng minh cháu H thường xuyên bị mẹ kế đánh đập và có hành vi ngược đãi.

Xét nguyện vọng của cháu Lê Xuân H: Tại cấp sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nguyện vọng của cháu Lê Xuân H thấy rằng cháu H vẫn muốn tiếp tục được ở với bố là anh Lê Xuân T, thi thoảng cuối tuần hoặc dịp nghỉ lễ thì về chơi và thăm mẹ là chị Nguyễn Bùi Hải L chứ cháu H không muốn ở hẳn với chị L. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 29/7/2018 chị L có cung cấp cho Tòa án 01 lá thư viết tay của cháu Lê Xuân H đề ngày 19/4/2018 có nội dung về

nguyện vọng của cháu H là muốn được ở với mẹ nhưng bị bố cấm. Ngày 10/7/2018 Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu H, cháu H khẳng định lá thư viết tay đúng là do cháu viết nhưng nội dung là cháu H viết theo lời chị L đọc và nguyện vọng của cháu H vẫn muốn được ở với bố, thì thoả về chơi với mẹ.

[5] Từ những phân tích trên xét thấy việc tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con là có căn cứ, phù hợp với lợi ích, nguyện vọng của cháu Lê Xuân H và không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến việc học tập cũng như về mọi mặt của cháu H. Kháng cáo của chị Nguyễn Bùi Hải L là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Kháng cáo của chị Nguyễn Bùi Hải L không được chấp nhận nên chị L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Bùi Hải L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí phúc thẩm:

Chị Nguyễn Bùi Hải L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0005087 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khánh Vân